

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lò cao NX3 (Lò cao kháng chiến Hải Vân), huyện Như Thanh (trước là dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lò Cao kháng chiến, xã Hải Vân, huyện Như Thanh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lò Cao NX3, xã Hải Vân, huyện Như Thanh; số 284/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 về việc phê duyệt thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lò Cao Kháng chiến (Giai đoạn 01), xã Hải Vân, huyện Như Thanh;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lò Cao NX3, xã Hải Vân, huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8799/TTr-SXD ngày 13/12/2023 (kèm theo hồ sơ và các văn bản liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lò cao NX3 (Lò cao kháng chiến Hải Vân), huyện Như Thanh với những nội dung sau:

1. Điều chỉnh tên dự án tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh từ “Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lò Cao NX3, xã Hải Vân, huyện Như Thanh” thành “Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lò cao NX3 (Lò cao kháng chiến Hải Vân), huyện Như Thanh”.

2. Điều chỉnh địa điểm đầu tư dự án tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh từ “Xã Hải Vân, huyện Như Thanh” thành “Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh”.

3. Điều chỉnh loại, cấp công trình tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, từ “Công trình dân dụng, cấp I” thành “Công trình dân dụng (văn hóa), cấp III”.

4. Điều chỉnh Tổng mức đầu tư tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, từ “24.850 triệu đồng” thành “30.450.000.000 đồng”.

Cụ thể: Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 30.450.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	19.888.387.551 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	531.381.595 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	2.787.935.000 đồng;
- Chi phí khác	:	3.087.105.486 đồng;
- Chi phí dự phòng	:	4.153.102.000 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

5. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh từ “Nguồn vốn xã hội hoá; ngân sách huyện Như Thanh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác” thành “Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 hỗ trợ 4.706 triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 20.000 triệu đồng (nguồn sự nghiệp văn hóa; còn lại bố trí từ ngân sách huyện Như Thanh”.

6. Điều chỉnh hình thức quản lý dự án khoản 10 Điều 1 Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, từ “Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án” thành “Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh”.

7. Điều chỉnh thời gian thực hiện tại khoản 11 Điều 1 Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, từ “Không quá 3 năm kể từ ngày khởi công xây dựng” thành “Hoàn thành dự án trong năm 2024”

8. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND huyện Như Thanh (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình và di sản văn hóa, đảm bảo chất lượng và hoàn thành dự án theo quy định.

- Các sở, ban, ngành: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ban dân tộc tỉnh và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chủ động giải quyết các công việc liên quan đến ngành, đơn vị mình; có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đôn đốc Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để B/c);
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH

Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lò cao NX3 (Lò cao kháng chiến Hải Vân), huyện Như Thanh

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI QĐ SỐ 1860/QĐ-UBND ngày 22/5/2015	GIÁ TRỊ ĐIỀU CHỈNH	GIÁ TRỊ TĂNG/GIẢM
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	18.122.000.000	19.888.387.551	+1.766.387.551
1.1	Chi phí xây dựng công trình chưa thực hiện	13.305.700.000	15.258.686.000	+1.952.986.000
1	Nhà dịch vụ đón tiếp và trưng bày	1.479.000.000	1.860.921.000	381.921.000
2	San nền và đắp bờ hồ	2.820.900.000	2.532.121.000	-288.779.000
3	Lầu bát giác	1.845.500.000	2.031.117.000	185.617.000
4	Chòi nghỉ (03 chòi)	508.500.000	650.751.000	142.251.000
5	Cầu đá 1	861.900.000	603.990.000	-257.910.000
6	Cầu đá 2	928.900.000	840.409.000	-88.491.000
7	Sân đường, bãi đỗ xe	2.748.800.000	3.343.715.000	594.915.000
8	Giàn hoa	212.300.000	240.072.000	27.772.000
9	Cấp điện ngoài nhà	512.200.000	642.893.000	130.693.000
10	Biển dẫn tích	38.200.000	42.377.000	4.177.000
11	Cây xanh cảnh quan	1.349.500.000	2.470.320.000	1.120.820.000
1.2	Chi phí xây dựng công trình đã thực hiện	4.816.300.000	4.629.701.551	-186.598.449
1	Các hạng mục bên trong hang	3.133.600.000	4.629.701.551	
2	Nhà bia tưởng niệm	1.682.700.000		
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	375.000.000	531.381.595	+156.381.595

III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	2.076.000.000	2.787.935.000	+711.935.000
III.1	Bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi			
1	Chi phí khảo sát xây dựng: khảo sát đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 phục vụ lập dự án	159.900.000	298.548.000	48.000
2	Khảo sát điều tra, chụp ảnh, sưu tầm tài liệu LSVH, đo vẽ ghi hiện trạng kiến trúc cảnh quan di tích phục vụ lập Dự án	138.600.000		
3	Lập tổng quy hoạch mặt bằng	70.800.000	70.800.000	0
4	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	134.800.000	134.800.000	0
5	Chi phí tư vấn lập điều chỉnh TMĐT dự án		30.271.000	30.271.000
III.2	Bước lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán			
1	Chi phí khảo sát địa hình tỉ lệ 1/500 giai đoạn lập TKBVTC		257.724.000	257.724.000
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		82.447.000	
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		175.277.000	
2	Khoan khảo sát địa chất phục vụ TKBVTC		243.797.000	243.797.000
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	767.200.000	657.416.000	-109.784.000
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		205.148.642	
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		452.267.498	
4	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng + dự toán	58.000.000	85.749.000	27.749.000
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		18.000.000	
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		67.748.573	
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn		2.000.000	2.000.000
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		2.000.000	
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công XD	36.200.000	72.603.000	36.403.000
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		19.350.000	

	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		53.252.819	
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	435.500.000	591.814.000	156.314.000
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		154.500.000	
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		437.313.984	
8	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	150.000.000	232.613.000	82.613.000
9	Chi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		9.800.000	9.800.000
10	Chi phí thực hiện một số công việc khác tạm tính	50.000.000	50.000.000	0
11	Chi phí công tác giám sát, đánh giá đầu tư	74.900.000	0	-74.900.000
12	Chi phí thẩm định giá		50.000.000	
IV	CHI PHÍ KHÁC	135.000.000	3.087.105.486	+2.952.105.486
1	Chi phí bảo hiểm công trình	54.400.000	55.483.000	1.083.000
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		9.706.717	
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		45.776.063	
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	4.300.000	6.502.000	2.202.000
	<i>Thẩm định lần 1</i>		4.300.000	
	<i>Thẩm định điều chỉnh</i>		2.202.000	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	58.300.000	50.630.000	-7.670.000
4	Chi phí kiểm toán độc lập		180.499.000	180.499.000
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước		118.363.000	118.363.000
6	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT thi công	18.200.000	19.331.000	1.131.000
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		4.072.025	
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		15.258.686	
7	Chi phí thẩm định HSMT và KQLCNT TVTK		2.000.000	2.000.000
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		2.000.000	

8	Chi phí rà phá bom mìn, vật liệu nổ		2.607.980.000	2.607.980.000
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		<i>651.995.000</i>	
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		<i>1.955.985.000</i>	
9	Phí thẩm định thiết kế BVTC+Dự toán		46.317.486	46.317.486
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		<i>1.235.000</i>	
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		<i>45.082.486</i>	
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	4.142.000.000	4.153.102.000	+11.102.000
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	2.071.000.000	2.629.481.000	
	<i>Phần công trình đã thực hiện</i>		<i>223.657.000</i>	
	<i>Phần công trình chưa thực hiện</i>		<i>2.405.824.000</i>	
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	2.071.000.000	1.523.621.000	
	Tổng cộng	24.850.000.000	30.447.911.631	+5.597.911.631
	Làm tròn	24.850.000.000	30.450.000.000	+5.600.000.000